

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HS-ST

Ngày: 28/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Cường

Ông Lê Văn Lâm

Bà Nguyễn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Anh - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến từ điểm cầu Trung tâm là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Bắc Ninh vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989; Giới tính: Nữ. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 11, thôn T, xã H, huyện Đ, thành phố HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1965; Con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; Có chồng là: Nguyễn Hữu H4, sinh năm 1979; và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh 2016; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 41/2022/HS-ST ngày 15/3/2022, TAND quận N, thành phố HN xử phạt 36 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2021. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

*'Người bào chữa cho bị cáo (theo chỉ định của Tòa án): Luật sư Nguyễn Thế U – Văn phòng luật sư T – Đoàn Luật sư tỉnh BN (Có mặt)

*,Bị hại:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh BN (Có mặt).

*, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, SN: 1981, HKTT: N, thị trấn G, huyện B, tỉnh BN (Có mặt)

2. Chị Phùng Thị M, SN: 1988, HKTT: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh BN (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H, SN: 1981, HKTT: ĐB, thị trấn B, huyện B, tỉnh BN (Vắng mặt)

4. Chị Trần Thị T, HKTT: 1989, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh BN (Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Phúc H2, SN: 1983, HKTT: Thôn C, xã V, huyện U, thành phố HN (Vắng mặt)

6. Chị Đàm Thị H3, SN: 1971, HKTT: xã L, huyện V, tỉnh HY (Vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị Trà G, SN: 1993, HKTT: thôn C, xã N, huyện Q, tỉnh BN (Vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1967. Địa chỉ: Cụm 11, thôn T, xã H, huyện Đ, thành phố HN (Có mặt).

9. Anh Nguyễn Hữu H4, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, HT, PC, NTN, thành phố HN (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 2/2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, chị Nguyễn Thị T ở thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh BN có ý định kinh doanh, buôn bán vật tư y tế. Thông qua các mối quan hệ xã hội, chị T quen biết Nguyễn Thị Ngọc B, sau đó B có giới thiệu với chị T: B là người chuyên buôn bán khẩu trang, vật tư y tế. Lúc này B đã làm ăn thua lỗ và vay nợ nhiều người, vì vậy B thực hiện 02 lần mua bán khẩu trang thành công với chị T để tạo lòng tin cho chị T. Sau đó B cung cấp cho chị T nhiều thông tin gian dối như: Báo giá bán khẩu trang thấp hơn thực tế; nài ra có các nguồn cung cấp khẩu trang, gắng tay và thiết bị y tế để chị T chuyển tiền cho B đặt cọc mua hoặc góp vốn buôn bán. Sau khi chị T chuyển tiền cho B thì B chiếm đoạt. Đến hạn phải trả hàng hoặc thanh toán tiền gốc, lãi góp vốn thì B nài ra nhiều lý do khác nhau như hàng bị cơ quan chức năng bắt giữ; tiền góp vốn và tiền lãi chưa giải ngân được.... mặc dù lần chuyển tiền trước B chưa

thực hiện được nghĩa vụ trả hàng hoặc thanh toán trả tiền góp vốn, tiền lãi cho chị T nhưng B nói dối và tạo dựng nhiều hình ảnh, thông tin thể hiện B sở hữu nhiều tài sản có giá trị, đang tiếp tục thực hiện các thỏa thuận với chị T rồi gửi cho chị T làm cho chị T tin tưởng B có đủ tài sản đảm bảo thanh toán tiền cho chị và vẫn đang thực hiện các nghĩa vụ như đã thỏa thuận. Vì vậy, từ khoảng đầu tháng 2/2020 đến tháng 10/2020 chị T nhiều lần giao tiền mặt, chuyển khoản, nộp tiền tiền mặt vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19032949408019 của B thì bị B chiếm đoạt tổng số 2.972.980.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*), cụ thể như sau;

1. Chiếm đoạt 750.000.000 đồng tiền mua khẩu trang Palmy:

Cùng trong tháng 02/2020, sau 2 lần chị T mua, bán khẩu trang thành công với B thì B nói với chị T: B quen biết chị Phạm Thị Lan H - Cán bộ Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội. Chị H có nguồn mua khẩu trang từ miền Nam ra Hà Nội bán (*chị H cũng là người cung cấp khẩu trang cho B để B bán cho chị T 2 lần trước đó*). Ngày 24/02/2020, B nói với chị T: chị H thỏa thuận bán 20 thùng khẩu trang y tế Palmy cho B với giá 10 triệu 500 nghìn đồng/1 thùng (*thực tế giá khẩu trang chị H bán cho B trên dưới 20 triệu đồng/1 thùng thể hiện tin nhắn zalo và biên bản giải trình*). Do đã 02 lần mua bán khẩu trang thành công với B đồng thời thấy B báo giá khẩu trang bán thấp hơn thị trường nên chị T tin tưởng, đồng ý mua, B yêu cầu chị T đặt cọc 150 triệu đồng. Chị T đồng ý giao cho B 150 triệu đồng tiền mặt. Sau khi nhận tiền của chị T thì B trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Cùng lúc này, B cũng đã nhận tiền đặt cọc mua khẩu trang y tế của nhiều người khác nhưng đã chi tiêu hết nên B tiếp tục nói dối chị T: B có khả năng nhập thêm 100 thùng khẩu trang Palmy, cùng giá 10 triệu 500 nghìn đồng/1 thùng, nếu chị T mua thì đặt cọc cho B 600 triệu đồng, B hứa hẹn trả hàng cho chị T vào ngày 27/02/2020, do tin tưởng B nên từ ngày 24/02/2020 đến 26/02/2020, chị T thực hiện 11 lần chuyển tiền với tổng số tiền 550 triệu từ tài khoản ngân hàng Agribank số 260.920.519.8145 của chị T, 01 lần chuyển trực tiếp 50 triệu đồng tiền mặt, tổng số tiền chị T chuyển vào tài khoản của B 600 triệu đồng. Sau khi nhận được tiền của chị T, B chuyển 252 triệu đồng cho chị H mua 12 thùng khẩu trang trả cho một số khách hàng trước đó B đã nhận tiền đặt cọc; trả nợ cho chị H 30 triệu đồng; mua 02 thùng khẩu trang với giá 34 triệu 500 nghìn đồng để B tự bán, số tiền còn lại B trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Toàn bộ 750 triệu đồng chị T chuyển cho B, B không mua khẩu trang cho chị T như thỏa thuận. Ngày 27/02/2020, chị T yêu cầu trả hàng. Tuy không mua 120 thùng khẩu trang cho chị T như thỏa thuận nhưng B nói dối chị T: B đã đặt mua 120 thùng khẩu trang nhưng trên đường vận chuyển thì 120 thùng khẩu trang đã bị Đội quản lý thị trường số 4, thành phố Hà Nội thu giữ.

Tại Công văn số 87/QLTT-Đ4, ngày 23/8/2022, Đội quản lý thị trường số 4, Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội khẳng định: từ ngày 24/02/2020 đến 25/3/2020, Đội quản lý thị trường số 4 không thu giữ lô hàng là khẩu trang, vật tư

y tế có chủ là Nguyễn Thị Ngọc B và Phạm Thị Lan H.

Như vậy thông qua hành vi gian dối mua khẩu trang Palmy, B đã chiếm đoạt của chị T: 150 triệu đồng+600 triệu đồng = 750 triệu đồng.

2. Chiếm đoạt 440.000.000 đồng tiền mua khẩu trang Masquer:

Khoảng tháng 4/2020, B nói dối chị T: B quen biết một người tên VA, làm tại Công ty của Nhật Bản, có chi nhánh ở Việt Nam, Công ty của VA đang cần mua 40.000 thùng khẩu trang Masquer của Công ty TNHH dược phẩm Orange do ông Nguyễn Văn H làm Giám đốc. B nói B quen biết và đã thỏa thuận với ông H, ông H đồng ý sản xuất 40.000 thùng khẩu trang xuất bán cho Công ty Nhật Bản. Mỗi thùng khẩu trang B làm trung gian mua, bán lãi 6 triệu đồng/1 thùng (40.000 thùng sẽ lãi 240 tỷ đồng). Tuy nhiên ông H yêu cầu B phải đặt cọc trước số tiền 1 tỷ 300 triệu đồng vì số lượng hàng lớn, cần phải nhập thêm máy móc, vật liệu. Để chị T tin tưởng B nói dối chị T: B được bố mẹ đẻ cho một căn hộ tại khu Royal City, Thanh Xuân, Hà Nội và B đã thế chấp để vay 1 tỷ 150 triệu đồng còn thiếu 150 triệu đồng, B rủ chị T góp tiền để cùng kinh doanh. Để tăng thêm niềm tin cho chị T, B gửi cho chị T một số hình ảnh thể hiện cuộc họp, cuộc đàm phán B có từ trước nhưng không liên quan đến việc mua 40.000 thùng khẩu trang của Công ty Orange và hình ảnh căn hộ, hình ảnh cổng chung cư Royal City B tải xuống từ mạng xã hội B hứa hẹn sau khi xuất bán được hàng cho Công ty Nhật Bản, B sẽ chia cho chị T một nửa tiền lãi. Chị T tin tưởng nội dung B nói dối là đúng nên đồng ý góp vốn. Ngày 11/4/2020, chị T chuyển 150 triệu đồng tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của B. Sau đó, thấy chị T không nghi ngờ gì, B tiếp tục nói với chị T: Công ty Nhật Bản cần thêm 10.000 thùng khẩu trang loại cho trẻ em của Công ty Orange, B cần thêm 150 triệu đồng để đặt cọc cho ông H, do đã tin tưởng B nên ngày 22/4/2020, chị T tiếp tục chuyển 150 triệu đồng tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng của B. Sau khi chuyển tiền, chị T nhiều lần hỏi B về việc thanh toán tiền góp vốn, tiền lãi thì B nói dối chị T: tiền đã về tài khoản ngân hàng nhưng chưa thể rút được vì bị treo ở Nhật Bản, khi nào hoàn thiện thủ tục mới được nhận tiền. Để tiếp tục gây dựng lòng tin cho chị T, B nói với chị T: B quen biết T2 làm tại ngân hàng Techcombank và N làm Kiểm soát viên tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Mỹ Đình, Hà Nội (*đây đều là tên người do Bích tự nghĩ ra*). Bích đang nhờ Trang và Nam hỗ trợ Bích rút tiền về. Sau đó B tự tạo một Zalo đặt tên tài khoản là Nguyễn Ngọc Bảo T2 rồi tự soạn tin nhắn gửi đến tài khoản Zalo B thường dùng liên lạc với chị T có nội dung: phía ngân hàng có nhận được tiền của B nhưng số tiền lớn nên tiền bị treo, B phải nhờ T2 và N giúp đỡ rút tiền. Sau đó, B chụp ảnh tin nhắn gửi cho chị T để chị T tin tưởng tài khoản của B có tiền. Ngày 29/4/2020, B sử dụng Facebook vào nhóm chỉnh sửa ảnh và nhờ một người trong nhóm (B khai không nhớ tên tài khoản) giúp B làm giả hình ảnh tài khoản Ngân hàng của B có số dư 20 tỷ 600 triệu đồng. Sau đó, B gửi hình ảnh nêu trên cho chị T và nói dối: đã được Công ty Nhật Bản thanh toán một phần tiền mua bán khẩu trang là 20

tỷ 600 triệu đồng. Tuy nhiên, do thủ tục bị vướng mắc nên B vẫn chưa thể rút được tiền, B đã liên hệ với N, N yêu cầu B phải trả 80 triệu đồng để giải quyết nhanh chóng. B nói dối chị T: B đã có 20 triệu đồng, còn thiếu 60 triệu đồng. B yêu cầu chị T chuyển cho B 60 triệu đồng để B chuyển cho N. Do các thông tin lời nói của B có kèm ảnh minh họa nên chị T tin tưởng và vì muốn có tiền nên ngày 29/4/2020 chị T đã giao 60 triệu đồng cho chị dâu của B là chị Nguyễn Thị D tại bến xe Gia Lâm, Hà Nội. Chị D đã chuyển 60 triệu đồng này cho B. Thời gian tiếp theo chị T nhiều lần thúc giục B thanh toán tiền mua bán khẩu trang thì B khất lần và nói dối vướng mắc thủ tục tại Ngân hàng chưa rút được tiền. Tháng 6/2020, do chị T thúc ép thanh toán tiền góp vốn kinh doanh khẩu trang Masquer thì B nói dối chị T: B phải bay sang Nhật Bản để làm việc với VA. B đã liên hệ và VA làm thủ tục tháo treo tài khoản Ngân hàng nhưng chi phí là 100 triệu đồng. B nói dối chị T, B đã có 20 triệu đồng, còn thiếu 80 triệu đồng để chuyển cho VA. Do tin tưởng B, ngày 22/6/2020, chị T đã chuyển khoản 60 triệu đồng và ngày 23/6/2020, chị T chuyển khoản 20 triệu đồng cho B. Cả 2 lần chị T đều chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng Agribank của chị T đến tài khoản Ngân hàng của B. Để củng cố niềm tin cho chị T, B gửi cho chị T hình ảnh chụp xa 01 nữ tiếp viên đang kéo vali ở sân bay kèm tin nhắn: *...giờ lên máy bay.*

Tại Công văn số 05/140422/CV-ORG, ngày 14/4/2022, Công ty Orange xác nhận, không ký kết hợp đồng, xuất bán khẩu trang hay nhận được tiền đặt cọc của cá nhân hoặc pháp nhân nào liên quan đến Nguyễn Thị Ngọc B. Công ty Orange cũng không giao dịch, buôn bán 20.000 thùng khẩu trang người lớn, 10.000 thùng khẩu trang trẻ em cho bất kỳ Công ty nào tại Nhật Bản .

Tại Công văn số 1071/NHNoMĐ-KTKSNB, ngày 05/12/2022, Ngân hàng Agribank, chi nhánh Mỹ Đình xác nhận tại Ngân hàng Agribank, chi nhánh Mỹ Đình không có chức danh Kiểm soát viên chỉ có 01 cán bộ tên Nguyễn Thành N giữ chức vụ Trưởng phòng tín dụng.

Tại Công văn 19652/A08-P5, ngày 20/9/2022, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an cung cấp thông tin: từ 01/5/2020 đến 01/11/2020, Nguyễn Thị Ngọc B không xuất cảnh ra nước ngoài.

Đối với người tên T2 do B tự nghĩ ra và không nói rõ làm ở chi nhánh Ngân hàng Techcombank nào vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh không có đủ căn cứ để xác minh;

Như vậy thông qua hành vi gian dối góp vốn kinh doanh khẩu trang Masquer, B đã chiếm đoạt được của chị T: (150 triệu x2)+60 triệu+80 triệu = 440.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt 279.900.000 đồng tiền cung ứng khẩu trang cho Công ty Sam Sung:

Cũng trong tháng 4/2020, B nói dối chị T: B quen biết một người tên V làm tại Công ty Samsung Display Việt Nam tại Bắc Ninh chuyên phụ trách cung ứng

vật tư, thiết bị cho nhân viên và công nhân. V thỏa thuận với B về việc B cung ứng cho Công ty Samsung 500 thùng khẩu trang. B nói với chị T nếu bán được 500 thùng khẩu trang cho Công ty Samsung thì sẽ lãi khoảng 500 triệu đồng. Do thời điểm này B đang nói dối chị T: B quen biết ông Nguyễn Văn H là Giám đốc Công ty Orange và đang đặt mua khẩu trang Masquer xuất bán sang Nhật Bản. Vì vậy, B tiếp tục nói dối chị T: B đã thỏa thuận đặt mua thêm 500 thùng khẩu trang của Công ty Orange và ông H đã đồng ý, tuy nhiên phải đặt cọc trước một số tiền để đảm bảo cho sản xuất. B rủ chị T góp vốn, B sẽ chia cho chị T 250 triệu đồng tiền lãi. Để tạo niềm tin cho chị T, B mua một số sim điện thoại rác, hiện tại B không nhớ các số thuê bao sau đó lưu tên các sim điện thoại này vào danh bạ của B là “Ms V Samsung BN”, B lấy số điện thoại rác này tự nhắn tin cho B với nội dung thỏa thuận mua khẩu trang của B và giục B giao hàng. Sau đó, B chụp màn hình điện thoại gửi cho chị T. Do tin tưởng việc B nói là thật nên chị T đã đồng ý góp tiền mua khẩu trang. Ngày 16/4/2020, chị T 01 lần chuyển 240 triệu tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của B; 01 lần chị T sử dụng tài khoản TechcomBank số 190.3559980.57.01.9 chuyển khoản 39.900.000 đồng vào tài khoản của B. Tổng số tiền chị T chuyển khoản vào tài khoản của B 279.900.000 đồng và bị B chiếm đoạt.

Tại Công văn số 271022/SDV, ngày 27/10/2022, Công ty Samsung xác nhận Công ty không đặt mua khẩu trang của Công ty Orange, không liên hệ, ký kết hợp đồng, xuất bán khẩu trang hay nhận được tiền đặt cọc của cá nhân hoặc pháp nhân nào liên quan đến Nguyễn Thị Ngọc B.

Tại Công văn số 05/140422/CV-ORG, ngày 14/4/2022, Công ty Orange xác nhận, thời điểm tháng 4/2020 Công ty chưa từng giao dịch, trao đổi và sản xuất bán khẩu trang Masquer cho Công ty Samsung Việt Nam tại Bắc Ninh.

Như vậy thông qua hành vi gian dối góp vốn mua khẩu trang Masquer bán cho Công ty Samsung, B đã chiếm đoạt được của chị T: 279.900.000 đồng.

4. Chiếm đoạt 348.200.000 đồng tiền đáo hạn Ngân hàng:

Xuất phát từ việc B nói dối chị T được bố, mẹ cho căn hộ ở chung cư Royal City nhưng B đã thế chấp vay tiền đầu tư mua khẩu trang Masquer của ông H nên đầu tháng 5/2020, B nói dối chị T: cần 350 triệu đồng để đáo hạn khoản vay. Để chị T tin tưởng, B hứa hẹn sau khi đáo hạn ngân hàng B sẽ thế chấp căn hộ vào ngân hàng khác vay với hạn mức cao hơn, số tiền vay dư ra B sẽ chuyển trả một phần cho chị T. Sau đó, B tự tạo một tài khoản Zalo có tên “L Lợn”. B sử dụng tài khoản Zalo “L Lợn” tự nhắn tin vào tài khoản Zalo B thường sử dụng liên lạc với chị T có nội dung: L (làm ngân hàng) đang giải quyết thủ tục đáo hạn cho B, vợ chồng L đang cho B vay tiền để đáo hạn nếu B không thanh toán tiền thì ngân hàng sẽ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của B. B chụp lại hình ảnh các tin nhắn trên và gửi cho chị T để chị T tin tưởng là có việc đáo hạn là thật. Do đã tin tưởng B từ trước nên ngày 11/5/2020 chị T 3 lần chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản Agribank của chị T vào tài khoản Ngân hàng của B. Sau khi nhận tiền của

chị T, B đã sử dụng để chi tiêu cá nhân và trả nợ. Cuối tháng 5/2020, B tiếp tục nói dối chị T: B cần thêm 150 triệu đồng nữa mới đủ tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 27/5/2020, chị T chuyển 148.200.000 đồng tiền mặt vào tài khoản Ngân hàng của B thì bị B chiếm đoạt.

Tại Công văn số 24941/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 12/12/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội xác định: Năm 2020, gia đình B không sở hữu căn chung cư nào trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Như vậy thông qua hành vi gian dối vay tiền đáo hạn Ngân hàng, B đã chiếm đoạt được của chị T: 200.000.000 đồng+148.200.000 đồng= 348.200.000 đồng.

5. Chiếm đoạt 113.880.000 đồng tiền mua găng tay y tế của Công ty Khải Hoàn:

Tháng 7/2020, biết chị T có nhu cầu mua găng tay y tế, B nói dối chị T: B có thể mua được 10.000 thùng găng tay y tế của Công ty cổ phần VRG Khải Hoàn có trụ sở tại tỉnh Bình Dương, nếu chị T muốn thì B sẽ mua cho chị T, tuy nhiên chị T phải đặt cọc 20 triệu đồng, do tin tưởng B nên chị T đồng ý đặt cọc mua hàng. Từ ngày 18/7/2020 đến 24/7/2020, 03 lần chị T sử dụng tài khoản Agribank, 01 lần sử dụng tài khoản Techcombank của chị T chuyển tiền cho B, tổng số 4 lần chị T chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của B là 18.180.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị T thì B sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Khi chị T yêu cầu B giao hàng thì B nói dối chị T: vì số lượng hàng lớn nên B đã nhờ bà N2 là nhân viên kế toán của Công ty Khải Hoàn (*do B tự nghĩ ra*) bán hộ toàn bộ số hàng này và được lãi khoảng 15 tỷ đồng. Khi nào bà N2 chuyển tiền trả cho B thì B sẽ trả lại tiền cho chị T. Đầu tháng 8/2020, B nói dối chị T: vẫn đang chờ bà N2 thanh toán tiền, nếu không được thì B sẽ gặp bà N2 giải quyết. Ngày 04/8/2020, B nói dối chị T: B đã đi máy bay vào trong thành phố Hồ Chí Minh gặp bà N2 (*thực tế B vẫn ở nhà tại HN*). Sau đó, B lên mạng xã hội tải một số hình ảnh chụp các cọc buộc tiền, túi đựng tiền với số lượng tiền lớn, hình ảnh phòng giao dịch..... B gửi những hình ảnh này cho chị T và nói dối: đã làm việc với bà N2 và bà N2 đã ra ngân hàng chuyển tiền cho B nhưng do bà N2 chuyển sai tài khoản ngân hàng của B nên B không nhận được tiền. Lúc này chị T nói sẽ bay vào thành phố Hồ Chí Minh để cùng B để giải quyết thì B bảo B đặt vé máy bay cho chị T và yêu cầu chị T chuyển cho B 5 triệu 700 nghìn đồng mua vé máy bay. Chị T đồng ý, ngày 24/8/2020, chị T sử dụng tài khoản Agribank chuyển 5 triệu 700 nghìn đồng vào tài khoản Ngân hàng của B. Sau khi nhận được tiền của chị T thì B chi tiêu cá nhân hết. Để tránh chị T phát hiện hành vi gian dối, B nói dối chị T: B không đặt được vé máy bay, một mình B có thể giải quyết được sự việc. Để tăng niềm tin cho chị T, B tiếp tục nói dối: B đã liên hệ và nhờ ông H1 là chồng bà N2, ông H1 là quan chức nhà nước (*ông H1 cũng do B tự nghĩ ra*) giải quyết việc chuyển nhầm tiền. Vì vậy chị T tiếp tục tin B và chỉ yêu cầu B nhanh chóng giải quyết lấy tiền về. Tháng 9/2020, B nói dối chị T: bà N2, ông H1 có thể tác động để Ngân hàng chuyển trả B 15 tỷ đồng,

tuy nhiên B phải cho ông H1 90 triệu đồng, B không còn tiền nếu chị T muốn rút tiền nhanh thì chuyển tiền cho B, do tin tưởng B nên ngày 14/9/2020, chị T sử dụng tài khoản Agribank chuyển 90 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng của B và bị B chiếm đoạt.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương làm việc với Công ty Khải Hoàn, kết quả điều tra: Tại Công ty Khải Hoàn, không có ai tên là N2 làm kế toán, Công ty cũng không có hợp đồng, thỏa thuận mua bán gang tay với ai là Nguyễn Thị Ngọc B.

Như vậy thông qua hành vi gian dối mua gang tay y tế của Công ty Khải Hoàn, B đã chiếm đoạt được của chị T: 18.180.000 đồng + 5.700.000 đồng 90.000.000 đồng = 113.880.000 đồng.

6. Chiếm đoạt 1.041.000.000 đồng tiền mua khẩu trang y tế của Công ty Mian:

Cùng trong tháng 7/2020, chị T được 07 người nhờ mua khẩu trang y tế của Công ty TNHH sản xuất may mặc – thời trang MIAN (Công ty Mian). Vì chị T vẫn tin tưởng B, nên chị T nhờ B mua khẩu trang của Công ty Mian. Tại thời điểm này B không thỏa thuận mua được khẩu trang Mian nhưng do đã đến Công ty Mian và tìm hiểu tài khoản Facebook của chị Bạch Thị Minh V – Giám đốc Công ty Mian, B đã nói dối chị T: B quen biết chị V và có khả năng mua cho chị T 1.000 thùng khẩu trang Mian. Nếu mua khẩu trang thì chị T phải đặt cọc cho chị V. Vì vậy, chị T đã nhận tiền đặt cọc của 07 người sau: Anh Nguyễn Văn Đ, đặt cọc 525 triệu đồng; Chị Phùng Thị M, đặt cọc 40 triệu đồng; Chị Nguyễn Thị H, đặt cọc 462 triệu 500 nghìn đồng; Chị Trần Thị T, đặt cọc 220 triệu đồng; Chị Nguyễn Thị Phúc H, đặt cọc 550 triệu đồng; Chị Đàm Thị H, đặt cọc 20 triệu đồng; Chị Nguyễn Thị Trà G, đặt cọc 200 triệu đồng. Tổng số chị T đã nhận tiền cọc của 07 người trên là 2.017.500.000 đồng.

Do B yêu cầu chị T đặt cọc số tiền 1 tỷ đồng nên từ 27/7/2020 đến ngày 30/7/2020, chị T sử dụng tài khoản Agribank 4 lần chuyển khoản, 4 lần trực tiếp chuyển tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của B với tổng số tiền 1 tỷ đồng. B hứa hẹn: ngày 31/7/2020, B sẽ chuyển trả cho chị T đủ 1.000 thùng khẩu trang Mian. Để chị T không nghi ngờ, B làm giả 01 giấy viết tay, trong đó B giả danh chị V viết nội dung: chị V đã nhận tiền của B để bán 1.000 thùng khẩu trang và hẹn ngày 31/8/2020 sẽ trả hàng (*thực tế B hẹn chị T là 31/7/2020*). Viết xong B chụp ảnh gửi vào tài khoản zalo của chị T, tờ giấy nêu trên sau đó B đã hủy đi nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Sau khi nhận tiền của chị T, B mang đi trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày hẹn trả hàng cho chị T thì B nói dối: Công ty Mian có nhiều đơn hàng nên chưa làm đủ khẩu trang để chuyển trả chị T đồng thời B đưa ra nhiều lý do để trì hoãn trả hàng. Sau đó, B lên mạng tìm vào các trang buôn bán hàng khẩu trang, các hình ảnh chụp các xưởng sản xuất khẩu trang tải về gửi vào tài

khoản zalo của chị T, B nói dối là mẫu khẩu trang của Công ty Mian, Công ty Mian đang nhập thêm máy móc để sản xuất khẩu trang cho chị T. Để củng cố thêm niềm tin của chị T, B sử dụng sim rác, lưu tên vào danh bạ là “vmian” rồi sử dụng điện thoại của B nhắn tin vào số điện thoại trên với nội dung đòi chị V trả hàng, trả tiền, sau đó B chụp ảnh màn hình điện thoại gửi vào tài khoản zalo của chị T để chị T tin tưởng là B vẫn đang yêu cầu chị V trả hàng. Sau nhiều lần B khát tiền, khát hàng thì chị T không đồng ý cho B khát nữa mà yêu cầu B trả lại tiền thì B nói dối là B đã bắt nợ được xe ô tô nhãn hiệu Mercedes của V, chiếc xe có giá trị hơn 1 tỷ đồng. Để chị T tin tưởng B lên trang Facebook của chị V, tải ảnh chị V đăng lên mạng đứng cạnh xe ô tô nhãn hiệu Mercedes, biển kiểm soát 30G-346.48 gửi cho chị T. Tiếp theo B nói với chị T: chiếc xe ô tô trên chị V đang thế chấp tại ngân hàng, không làm thủ tục bán xe được. B nói dối chị T: B quen biết cán bộ Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội có thể rút hồ sơ xe của chị V ra nhưng chị T phải trả chi phí rút hồ sơ xe cho B, khi B bán được xe sẽ trả lại tiền chị T đã đặt cọc. Do tin tưởng B, ngày 13/10/2020, chị T đã chuyển 41 triệu đồng từ tài khoản Agribank của chị T vào tài khoản Ngân hàng của B và bị B chiếm đoạt.

Xác minh chị Bạch Thị Minh V, sinh năm 1992, HKTT: thôn X, xã T, huyện C, thành phố HN – Giám đốc Công ty Mian, chị V khẳng định không có thỏa thuận, ký hợp đồng hoặc nhận tiền đặt cọc mua, bán khẩu trang với B. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes C300, biển số 30G-346.48 là của chị V, chị V đã bán cho người khác chứ không liên quan gì đến B.

Như vậy thông qua hành vi gian dối mua khẩu trang y tế của Công ty Mian, B đã chiếm đoạt được của chị T: 1.000.000.000 đồng + 41.000.000 đồng = 1.041.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã thu giữ của chị Nguyễn Thị T 03 bản gốc giấy đặt cọc gồm: Giấy đặt cọc tiền, đề ngày 24/2/2020; Giấy đặt cọc tiền, đề ngày 11/5/2020 và Giấy đặt cọc tiền, đề ngày 28/7/2020 đều có nội dung: bên đặt cọc đứng tên chị T; bên nhận đặt cọc mang tên B với tổng số tiền cọc là 2.330.000.000 đồng, đây là các giấy biên nhận đặt cọc do chị T viết cuối năm 2020 và yêu cầu B ký nhận sau khi chị T phát hiện hành vi phạm tội của B.

Tại Bản kết luận giám định số 1983/KL-KTHS, ngày 09/12/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh, kết luận: Chữ viết trên 03 “Giấy đặt cọc tiền” là chữ viết của chị T; Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T là của chị T; Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Ngọc B là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ngọc B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh thu giữ được 76 trang A4 in nội dung tin nhắn từ tài khoản zalo “B” của Nguyễn Thị Ngọc B đến tài khoản zalo của chị T lưu trong máy chị T. Thu giữ 43 tờ A4 in nội dung tin nhắn từ tài khoản zalo “NaBin” của Nguyễn Thị Ngọc B đến tài khoản zalo của chị

H lưu trong máy chị H.

Cho Nguyễn Thị Ngọc B nhận dạng và chuyển hóa nội dung tin nhắn gửi từ tài khoản zalo của B đến tài khoản zalo chị T. Kết quả B thừa nội toàn bộ thông tin trên 76 tờ A4 là nội dung tin nhắn B lừa dối chị T. Kết quả chị T chuyển hóa các nội dung tin nhắn, Nguyễn Thị Ngọc B chuyển hóa tin nhắn phù hợp với nhau và có cùng nội dung như đã nêu trên;

Cho Nguyễn Thị Ngọc B nhận dạng và chuyển hóa nội dung tin nhắn gửi từ tài khoản zalo của B đến tài khoản zalo chị H. Kết quả B thừa nội toàn bộ thông tin trên 43 tờ A4 là nội dung tin nhắn B mua, bán khẩu trang y tế với chị H. Kết quả chị H chuyển hóa các nội dung tin nhắn, Nguyễn Thị Ngọc B chuyển hóa tin nhắn phù hợp với nhau và có cùng nội dung như đã nêu trên;

Cho Chị T và Nguyễn Thị Ngọc B diễn giải số liệu các bút toán nhận, chuyển tiền trên tài khoản của B. Kết quả B diễn giải các khoản tiền nhận tiền từ tài khoản của chị T phù hợp với kết quả diễn giải của chị T.

Ngoài 2.972.980.000 đồng Nguyễn Thị Ngọc B đã lừa đảo chiếm đoạt được của chị T thì chị T còn thỏa thuận cho B vay 186.100.000 đồng. Tổng số tiền chị T giao cho B là 3.159.080.000 đồng. Quá trình kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án chị T và B thống nhất thỏa thuận: Đến tháng 01/2021, B đã trả lại cho chị T 467.000.000 đồng và 246 thùng khẩu trang tương đương với số tiền 290.000.000 đồng. Tổng số tiền B đã trả cho chị T là 757.000.000 đồng. Chị T yêu cầu B phải trả cho chị T số tiền 2.402.080.000 đồng (bao gồm cả tiền B nợ chị T). Ngày 10/01/2023 bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường cho chị T 2.220.000.000 đồng (*hai tỷ, hai trăm hai mươi triệu đồng*), chị T đã nhận đủ tiền, không yêu cầu B phải bồi thường khoản nào khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cho B;

Đối với 07 người thông qua chị T đặt cọc tiền mua khẩu trang Mian cho B, quá trình điều tra chị T đã trả chị M đủ 40.000.000 đồng. Trả chị H đủ 462.500.000 đồng. Trả chị T đủ 220.000.000 đồng; Trả chị H2 đủ 20.000.000 đồng. Trả lại chị H3: 260.000.000 đồng và 246 thùng khẩu trang giá trị khoảng 290.000.000 đồng, tổng số tiền chị T đã trả đủ cho chị H3: 550.000.000 đồng. Trả anh Đ 330.000.000 đồng (*còn nợ 195.000.000 đồng*). Trả chị G 30.000.000 đồng (*còn nợ 170.000.000 đồng*). Anh D và chị G yêu cầu chị T phải trả số tiền còn nợ.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 14/CTr-VKS-P2 ngày 13/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Thị Ngọc B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận do làm ăn thua lỗ, vay nợ nhiều người không có tiền trả nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị T, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 10/2020, bị cáo đã sử dụng hình ảnh, thông tin trên không gian mạng xã

hội nhiều lần đưa ra thông tin gian dối, không có thật về việc mua bán khẩu trang, góp vốn sản xuất, kinh doanh khẩu trang với chị T để chiếm đoạt số tiền 2.972.980.000 đồng của chị T. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị T. Bị cáo được biết gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường hết toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị T và nay chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Về phía chị Nguyễn Thị T thừa nhận nội dung cáo trạng nêu là đúng với hành vi bị cáo B đã thực hiện. Chị T xác nhận lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa và cho biết bố mẹ đẻ bị cáo B đã đến xin lỗi và thỏa thuận bồi thường cho chị số tiền là 2.220.000.000 đồng vì vậy nay chị không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường gì thêm cho chị. Về mặt hình phạt, chị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Đối với số tiền chị T nhận đặt cọc của 07 người gồm Anh Nguyễn Văn Đ; Chị Phùng Thị M; Chị Nguyễn Thị H; Chị Trần Thị T; Chị Nguyễn Thị Phúc H3; Chị Đàm Thị H2; Chị Nguyễn Thị Trà G thì hiện nay chị đã thanh toán hoàn trả lại toàn bộ cho những người này, nay chị không còn nợ ai, chị đã giao nộp biên nhận trả tiền cho chị G và anh Đ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T1 trình bày cho biết toàn bộ số tiền B lừa đảo chiếm đoạt của chị T đều do B sử dụng cá nhân và trả nợ, anh H4 và bà T1 đều không biết việc B gian dối để chiếm đoạt tiền của chị T. Sau khi được B nhờ thu xếp bồi thường cho chị T thì anh H4 và vợ chồng bà T1 đã đi vay mượn thu xếp để bồi thường cho chị T số tiền là 2.220.000.000 đồng, số tiền này bà không yêu cầu B phải thu xếp trả bà.

Về phía anh Nguyễn Văn Đ xác nhận chị T đã thanh toán trả anh toàn bộ số tiền đặt cọc mua khẩu trang nay anh không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Bích. Căn cứ vào hành vi phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B từ 08 năm tù đến 10 năm tù. Tổng hợp với mức hình phạt 36 tháng tù tại bản án hình sự số 41/2022/HS-ST ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố HN buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phải chấp hành mức hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 11 năm tù đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2021.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Trong phần tranh luận, Luật sư Nguyễn Thế U là người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như điều luật mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, tuy nhiên Luật sư U đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về số tiền Cáo trạng quy kết bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại vì trước khi bị cáo bị khởi tố thì bị cáo và bị hại đã thống nhất xác định đến tháng 01/2021 bị cáo đã trả lại cho chị T số tiền là 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang tương đương với số tiền là 290.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo đã trả cho chị T trước khi khởi tố là 757.000.000đ do đó phải trừ số tiền này đi thì bị cáo chỉ còn chiếm đoạt của bị hại số tiền là 2.215.980.000 đồng chứ không phải 2.972.980.000 đồng. Về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thì Luật sư U đồng tình với đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo song đề nghị cho bị cáo được mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo không bổ sung và tham gia tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Về phía chị Nguyễn Thị T tham gia tranh luận cho rằng ý kiến của Luật sư U cho rằng bị cáo chỉ có ý thức chiếm đoạt của chị số tiền 2.215.980.000 đồng là không đúng mà bị cáo B có ý thức chiếm đoạt số tiền của chị như cáo trạng quy kết là phù hợp vì bị cáo đã gian dối đối với chị ngay từ ban đầu, việc bị cáo chuyển trả chị số tiền 467.000.000đ khi không đặt mua khẩu trang được cho chị và trả cho chị 246 thùng khẩu trang loại khác chủ yếu chỉ nhằm tạo lòng tin cho chị để sau đó dụ dỗ chị tiếp tục đặt cọc tiền để mua khẩu trang tiếp.

Đối đáp với quan điểm của Luật sư U về số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị T, Kiểm sát viên cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành kể từ khi bị cáo đưa ra hành vi gian dối và bị hại chuyển tiền thành công cho bị cáo, việc bị cáo sau đó chuyển trả bị hại 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả, mặt khác như bị hại và bị cáo đã khai thì việc bị cáo trả lại bị hại 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang chỉ nhằm mục đích tạo lòng tin cho bị hại khi bị hại gọi hỏi nhiều lần đồng thời cũng để tạo lòng tin để tiếp tục dụ dỗ bị hại đặt tiền mua khẩu trang tiếp theo vì vậy Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm việc quy kết số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 2.972.980.000 đồng.

Về phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T1, anh H4, anh Đ không tham gia đối đáp tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại cùng những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Xem xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định: Do làm ăn thua lỗ, vay nợ nhiều người không có tiền trả nên Nguyễn Thị Ngọc B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị T bằng hình thức 2 lần mua khẩu trang với giá đắt, bán lại cho chị T với giá rẻ, chấp nhận lỗ để tạo lòng tin với chị Thảo. Sau đó trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 10/2020, B sử dụng hình ảnh, thông tin trên không gian mạng xã hội nhiều lần đưa ra thông tin gian dối, không có thật về việc mua bán khẩu trang, góp vốn sản xuất, kinh doanh khẩu trang với chị T và chiếm đoạt 2.972.980.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*) của chị T.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm cho rằng Cáo trạng quy kết bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 2.972.980.000 đồng là chưa phù hợp vì trước khi bị cáo bị khởi tố thì bị cáo và bị hại đã thống nhất xác định đến tháng 01/2021 bị cáo đã trả lại cho chị T số tiền là 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang tương đương với số tiền là 290.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo đã trả cho chị T trước khi khởi tố là 757.000.000đ do đó phải trừ số tiền này đi thì bị cáo chỉ còn chiếm đoạt của bị hại số tiền là 2.215.980.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành kể từ khi bị cáo đưa ra hành vi gian dối và bị hại chuyển tiền thành công cho bị cáo, việc bị cáo sau đó chuyển trả bị hại 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả, mặt khác như bị hại và bị cáo đã khai thì việc bị cáo trả lại bị hại 467.000.000đ và 246 thùng khẩu trang chỉ nhằm mục đích tạo lòng tin cho bị hại khi bị hại gọi hỏi nhiều lần đồng thời cũng để tạo lòng tin để tiếp tục dụ dỗ bị hại đặt tiền mua khẩu trang tiếp theo vì vậy việc quy kết về số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị T như Cáo trạng nêu là phù hợp quy định pháp luật. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, không những gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân mà còn làm ảnh hưởng, mất

lòng tin trong các mối quan hệ xã hội do đó đối với bị cáo xét thấy cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử, thấy:*

Về nhân thân, xét thấy ngày 15/3/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố HN xử phạt 36 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T xảy ra trước thời điểm bị cáo bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố HN xét xử nên bị cáo không bị coi là có tiền án xong thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại và được bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bên mẹ đẻ bị cáo là gia đình có công với cách mạng vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị T, mỗi lần chiếm đoạt số tiền đều trên 2 triệu đồng do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 2 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa hôm nay, chị T xác nhận đại diện gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị vì vậy nay chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền chị T nhận đặt cọc mua khẩu trang của 07 người gồm Anh Nguyễn Văn Đ; Chị Phùng Thị M; Chị Nguyễn Thị H; Chị Trần Thị T; Chị Nguyễn Thị Phúc H2; Chị Đàm Thị H3; Chị Nguyễn Thị Trà G thì chị T và 07 người trên đều xác nhận chị T đã thanh toán hoàn trả cho những người này nay không ai có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc B 09 (chín) năm tù. Tổng hợp với mức hình phạt 36 tháng tù tại bản án hình sự số 41/2022/HS-ST ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố HN buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phải chấp hành mức hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhân:

- TAND, VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- Phòng PC 10, Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan điều tra (PC01), Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh